|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ** | **ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC : 2022 – 2023 MÔN CÔNG NGHỆ 7 –TUẦN 34 - TIẾT 34 Thời gian: 45 phút** |

## 1.MA TRẬN

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dungkiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **%**  **tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng**  **cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **1. Chăn nuôi** | ***1.1.Giới thiệu vềchăn nuôi*** | 2 | 3 | 2 | 6 |  |  |  |  | 4 |  | 9 | **20** |
| ***1.2. Nuôi dưỡng và***  ***chăm sóc, phòng trị bệnh cho vật nuôi*** | 1 | 1,5 | 1 | 3 |  |  |  |  | 2 |  | 4,5 | **10** |
| **2** | ***2.Thủy sản*** | ***2.1. Giới thiệu về thuỷ sản*** | 2 | 3 | 3 | 9 |  |  |  |  | 5 |  | 12 | **25** |
| ***2.2. Nuôi cá ao*** | 3 | 4,5 |  |  | 1 | 10 |  |  | 3 | 1 | 14,5 | **35** |
| ***1.3. Lập kế hoạch nuôi cá cảnh*** |  |  |  |  |  |  | 1 | 5 |  | 1 | 5 | **10** |
| **Tổng** | | | **8** | **12** | **6** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **14** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | |  | **100** |

Ghi chú:

* Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
* Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
* Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm mức độ nhận biết là 0,5 điểm; mức độ thông hiểu là 0,5 điểm; số điểm của câu tự luận ở mức vận dụng: 2 điểm, ở mức vận dụng cao: 1 điểm.

Thời lượng tính cho 1 câu trắc nghiệm mức độ nhận biết là 1,5 phút; mức độ thông hiểu là 3,0 phút; thời lượng tính cho câu hỏi mức vận dụng là 10 phút, mức vận dụng cao là 5 phút

**2. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **1.Chăn nuôi** | ***1.1. Giới thiệu về chăn nuôi chăn nuôi*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.  - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.  **Thông hiểu:**  - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.  - Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi  **Vận dụng:**  - Có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi  - Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình. | 2 | 2 |  |  |
| ***1.2. Nuôi dưỡng,***  ***chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến.  **Thông hiểu:**  - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.  **Vận dụng:**  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi  - Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình. | 1 | 1 |  |  |
| 2 | **2.**  **Thủy sản** | ***2.1. Giới thiệu về thuỷ sản*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của thuỷ sản;  - Nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.   * **Thông hiểu:** * Nhận thức được việc cải tạo ao nuôi thuỷ sản. | 2 | 3 |  |  |
| ***2.2. Nuôi cá ao*** | **Nhận biết:**  - Nêu được quy trình kĩ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch một loại thuỷ sản phổ biến.   * Trình bày được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến. * Nêu được kĩ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến. * Trình bày được kĩ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến. * Nêu được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho cho một loại thủy sản phổ biến.   **Thông hiểu:**   * Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến. * Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến. * Giải thích được kĩ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến.   - Giải thích được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thủy sản phổ biến.  **Vận dụng:**  - Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản bằng phương pháp đơn giản.  **Vận dụng cao:**  - Đề xuất được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản của địa phương. | 3 |  |  | 1 |
| ***1.3. Lập kế hoạch nuôi cá cảnh*** | **Vận dụng:**   * Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại cá cảnh phù hợp. |  |  | 1 |  |
| **Tổng:** | | | | **8** | **6** | **1** | **1** |

3.Đề bài :

I. TRẮC NGHIỆM: (7điểm )

Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong các câu hỏi sau:

**Câu 1.** Vai trò của chăn nuôi là:

A. Cung cấp nguồn thực phẩm cho con người, nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu, phân bón...

B. Cung cấp lương thực, thực phẩm.

C. Cung cấp phân bón.

D. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến.

**Câu 2.** Các nhóm vật nuôi chính ở nước ta là?

A. Gia súc.

B. Gia cầm.

C. Gia súc và gia cầm.

D. Các loài bò sát.

**Câu 3.** Chăn nuôi nông hộ có đặc điểm gì khác so với chăn nuôi trang trại?

A. Có sự đầu tư lớn về chuồng trại, năng suất cao, xử lý chất thải tốt.

B. Chi phí đầu tư ít, năng suất thấp, xử lý chất thải chưa tốt.

C. Có sự đầu tư lớn về chuồng trại, năng suất thấp, xử lý chất thải tốt.

D. Chi phí đầu tư ít, năng suất thấp, xử lý chất thải tốt.

**Câu 4.** Phương thức chăn nuôi nào là phổ biến ở nước ta với chi phí đầu tư thấp?

A. Chăn nuôi trang trại.

B. Nuôi cá ao.

C. Nuôi chim Yến trong nhà.

D. Chăn nuôi nông hộ.

**Câu 5.** Mục tiêu của chăn nuôi đực giống là.

A.Cho ra nhiều con giống tốt nhất.

B.Nhanh lớn, nhiều lạc.

C.Càng béo càng tốt.

D.Nhanh lớn, khỏe mạnh.

**Câu 6.**Nuôi gia súc cái sinh sản đều phải trải qua mấy giai đoạn?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 7.** Phát biểu nào dưới đây ***không đúng*** khi nói về vai trò của thủy sản:

A. Cung cấp thực phẩm cho con người.

B. Làm thức ăn cho vật nuôi khác.

C. Hàng hóa xuất khẩu.

D. Làm vật dùng cho thí nghiệm.

**Câu 8.** Trong các loài thủy sản sau, loài thủy sản nào có giá trị kinh tế cao của Việt Nam?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Cá chép | B. Tôm hùm. | C. Cá rô phi | D. Cá trắm. |

**Câu 9.** Rắc vôi bột vào đáy ao có tác dụng gì?

A. Cải tạo độ mặn cho đáy ao.

B.Tiêu diệt các mầm bệnh trong đáy ao.

C.Tạo độ trong cho nước ao.

D.Tăng lượng vi sinh vật cho đáy ao để làm thức ăn cho cá.

**Câu 10.** Quy trình chuẩn bị ao nuôi gồm mấy bước?

A. 2 bước. B. 3 bước. C. 4 bước. D. 5 bước.

**Câu 11.** Người ta thường phòng trị bệnh cho cá bằng cách nào sau đây?

A.Trộn thuốc vào thức ăn của cá.

B.Tiêm thuốc cho cá.

C.Bôi thuốc cho cá.

D.Cho cá uống thuốc.

**Câu 12:** Biểu hiện thường thấy khi vật nuôi bị bệnh?

A. Lớn nhanh, đẻ nhiều B. Ăn khỏe, ngủ khỏe

C. Mệt mỏi, ủ rũ D. Nhanh nhẹn, hoạt bát.

**Câu 13:** khi phát hiện vậy nuôi bị ốm người chăn nuôi cần?

A. Báo cho cán bộ thú y B. Giết mổ

C. Tự mua thuốc về chữa trị D. Bán ngay

**Câu 14:** Bệnh nào dưới đây có thể lây lan nhanh thành dịch?

A. lợn giun đũa B. Tả lợn Châu Phi

C. Chó bị ghẻ D. Lợn gãy chân

II. TỰ LUẬN: (3 điểm)

**Câu 1. (1,5đ)**: Bạn Tuấn có kế hoạch nuôi 02 con cá vàng. Cho biết giá của cá là 25.000 đồng một con, bể nuôi loại 15 lít giá 70.000 đồng, máy bơm mini giá 100.000 đồng/bộ, mỗi ngày02 con cá ăn hết 1.000 đồng tiền thức ăn. Một số chi phí khác là 10.000 đồng/tháng. Em hãy giúp bạn Tuấn tính toán chi phí cần thiết để nuôi 02 con cá vàng trong 3 tháng đầu.

**Câu 2. (1,5đ)**: Nêu vai trò của nuôi trồng thủy sản? Em sẽ làm gì khi ao nuôi có hiện tượng thiếu Oxygen?

**II. ĐÁP ÁN:**

**A. TRẮC NGHIỆM**: (7 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,5đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Đáp án | A | C | B | D | A | C | D | B | B | A | A | C | A | B |

B. TỰ LUẬN: (3 điểm)

**Câu 1: (1,5 điểm):**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá ước tính**  **(Đồng)** | **Chi phí dự tính**  **(Đồng)** |
| 1 | Cá giống | Con | 02 | 50.000 đồng | 100.000 đồng |
| 2 | Bể nuôi | Cái | 01 | 70.000 đồng | 70.000 đồng |
| 3 | Thức ăn | Tháng | 03 | 30.000 đồng | 90.000 đồng |
| 4 | Máy bơm | Chiếc | 01 | 100.000 đồng | 100.000 đồng |
| 5 | Chi phí khác | Tháng | 03 | 10.000 đồng | 30.000 đồng |
| **Tổng chi phí: 390.000 đồng** | | | | | |

**Câu 2 :(1,5 đ)**

-Vai trò của nuôi trồng thủy sản:

+ Cung cấp thực phẩm cho con nười;

 + Nguyên liệu cho ngành chế biến và xuất khẩu;

+ Tạo ra những sản phẩm có giá trị bổ sung cho thức ăn chăn nuôi;  
+ Cung cấp nguyên liệu cho ngành dược mĩ phẩm;

+ Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người nuôi.(1 đ)

-Sẽ tìm hiểu nguyên nhân từ đó đưa ra biện pháp khắc phục:

Thực hiện bằng cách bố trí máy sục khí, máy thổi khí, quạt nước,…để tạo oxy hòa tan cho cá. Ngoài ra còn cũng có thể bơm thêm nước (0,5đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phê duyệt của BGH** | **Phê duyệt của tổ CM** | **Người ra đề**  Nguyễn Thị Hằng Nga |